

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG CHỦ THỂ TRONG VIỆC PHỤC DỰNG LỄ HỘI LỒNG TỒNG Ở XÓM TÍN KEO, XÃ PHÚ ĐÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Đoàn Thị Tuyền

Tóm tắt:

Bài viết này tập trung phân tích vai trò của cộng đồng chủ thể trong quá trình phục dựng, tái hiện lễ hội Lồng Tồng (xuống đồng) - một trong những di sản văn hoá phi vật thể đặc sắc của người Tày, được tổ chức với mục đích cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, cuộc sống ấm no. Nội dung bài viết hướng đến lập luận rằng cộng đồng chủ thể, thông qua sự tham gia của các cá nhân đại diện, đã góp phần hồi sinh di sản theo hướng phù hợp và có thể được chấp nhận trong điều kiện, bối cảnh đương đại khi mà cách thức tổ chức, quản lý cũng như đối tượng và mục tiêu hướng tới của các lễ hội đã có sự thay đổi. Tư liệu sử dụng trong bài viết được thu thập từ kết quả nghiên cứu của tác giả tại xóm Tín Keo, xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên.

Từ khoá: Lễ hội Lồng Tồng, Di sản văn hoá, Bảo tồn, Vai trò cộng đồng, Cá nhân đại diện.

*

1. Dẫn nhập

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại xóm Tín Keo, xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm Tín Keo, xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên), đã diễn ra Chương trình phục dựng, tái hiện lễ hội Lồng Tồng. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch số 3600/KH-SVHTTDL ngày 28/10/2024 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên. Tham dự sự kiện ngoài đông đảo người dân của xóm Tín Keo còn có sự hiện diện của đại diện của các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương, gồm lãnh đạo Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Nhân dân huyện Định Hoá và các ban, ngành, tổ chức Đảng, đoàn thể. Trong không khí vui tươi, áp áp của ngày hội, một cuộc trò chuyện ngắn bên lề đã diễn ra và tình cờ được tác giả bài viết ghi lại. Anh Hoàng - một người dân xóm Tín Keo - xúc động, bày tỏ cảm xúc của mình với một vị lãnh đạo đang đứng gần. Anh nói: “*Lễ hội vui quá! Cảm ơn cấp trên đã quan tâm. Mong là sang năm bà con chúng tôi lại tiếp tục được các anh hỗ trợ kinh phí để tổ chức như năm nay*”. Vị lãnh đạo thoáng chút bất ngờ trước chia sẻ chân thành ấy nhưng nhanh chóng đáp

lại bằng giọng nhẹ nhàng rằng lễ hội là của chính người dân xóm Tín Keo và cộng đồng hoàn toàn có thể chủ động tổ chức, duy trì các hoạt động lễ hội của mình. Cuộc trò chuyện ngắn nhưng đầy ý nghĩa này đã gợi cho tác giả bài viết nhiều suy nghĩ về mối quan hệ giữa cơ quan quản lý văn hoá và cộng đồng chủ thể di sản, đồng thời khơi dậy mong muốn tìm hiểu sâu hơn về vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Theo quy định của pháp luật, di sản văn hoá gồm di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể trong đó “di sản văn hoá phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hoá cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hoá của họ” (Điều 3, khoản 1, Luật Di sản văn hoá sửa đổi, bổ sung năm 2024). Di sản văn hoá phi vật thể bao gồm các loại hình như phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, nghệ thuật biểu diễn, tri thức dân gian, v.v. Về vai trò của cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, các văn bản pháp lý của Việt Nam từ Luật Di sản văn hoá đầu tiên năm 2001 đến các lần sửa

đổi, bổ sung vào các năm 2009 và 2024 đều có đề cập, ở mức độ cụ thể khác nhau. Ở *Luật Di sản văn hoá năm 2001*, vấn đề này mới chỉ được đề cập ở mức khái quát. Chẳng hạn, Điều 13 quy định: “Cộng đồng cư dân nơi có di sản văn hoá có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở địa phương”; trong khi Điều 20 nêu: “Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho cộng đồng, tổ chức cá nhân tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể”. Đến *Luật sửa đổi, bổ sung năm 2009*, vai trò của cộng đồng đã được xác định cụ thể và rõ ràng hơn, đặc biệt là ở khoản 2 Điều 4 của Luật trong đó khẳng định: “Cộng đồng là chủ thể nắm giữ, thực hành và truyền dạy di sản văn hoá phi vật thể”. Đây là bước tiến quan trọng, thể hiện sự ghi nhận về mặt pháp lý đối với cộng đồng như một thực thể trung tâm trong đời sống di sản. Tiếp đó, *Luật Di sản văn hoá sửa đổi, bổ sung năm 2024* (có hiệu lực từ tháng 7 năm 2025), tiếp tục tăng cường và mở rộng vai trò của cộng đồng. Luật không chỉ khẳng định vị trí trung tâm của cộng đồng, nhóm người và cá nhân trong bảo tồn, phát huy di sản, mà còn thiết lập cơ chế hỗ trợ, khuyến khích sự tham gia của họ cùng các tổ chức xã hội vào các hoạt động liên quan đến di sản văn hoá. Như vậy, qua các lần ban hành và sửa đổi (2001, 2009, 2024), có thể thấy vai trò của cộng đồng chủ thể ngày càng được đánh giá cao trong chính sách và pháp luật về di sản văn hoá ở Việt Nam. Cộng đồng không chỉ được xem là người “nắm giữ” hay “thực hành” di sản, mà còn là trung tâm của quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể.

Trong lĩnh vực nghiên cứu di sản, vai trò của cộng đồng đã được nhiều học giả trong và ngoài nước đề cập dưới những góc nhìn khác nhau, với nhiều phát hiện đáng chú ý. Một số nhà nghiên cứu cho rằng vai trò của cộng đồng đang chịu những thách thức và biến đổi đáng kể trong bối cảnh hiện nay. Theo Oscar Salemink (2012), quá trình di sản hoá đã khiến nhiều thực hành văn hoá trở thành “tài sản quốc gia”, qua đó làm suy giảm quyền kiểm

soát của cộng đồng - chủ thể gốc của di sản đối với các thực hành văn hoá mà họ từng nắm giữ hoàn toàn trong quá khứ. Nói cách khác, khi di sản được “nâng cấp” lên tầm quốc gia, quyền định đoạt và quản lý dần chuyển từ cộng đồng sang các thiết chế hành chính - văn hoá của Nhà nước. Tại Việt Nam, nhiều học giả cũng chia sẻ nhận định tương tự. Trong nghiên cứu về tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Lê Hồng Lý (2014) chỉ ra rằng, sau khi di sản này được UNESCO ghi danh, toàn bộ khu di tích lịch sử Đền Hùng được đặt dưới sự quản lý của Trung tâm Quản lý di tích lịch sử Đền Hùng - đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ. Theo đó, các nghi lễ diễn trong khu di tích đều được tổ chức theo kế hoạch của chính quyền, mà ít tham khảo hoặc dựa trên các nghi thức truyền thống của cộng đồng địa phương. Tác giả cho rằng chính sự “hành chính hoá” này đã dẫn tới việc người dân - chủ thể của di sản - bị ngoài lề hoá khỏi các không gian văn hoá văn hoá vốn thuộc về họ. Những quan sát tương tự cũng xuất hiện trong các công trình của Nguyễn Thị Phương Châm (2018) và Hoàng Cầm (2018), khi nghiên cứu về di sản Hát Xoan Phú Thọ và không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên. Các tác giả nhận thấy, sự can thiệp quá sâu của Nhà nước vào quá trình bảo tồn sau ghi danh - thông qua các biện pháp “hành chính hoá”, “chọn lọc”, “cải biên” nhằm phục vụ du lịch và sân khấu hoá - đã vô hình trung khiến cộng đồng mất đi quyền tự chủ và sáng tạo trong các thực hành di sản. Hệ quả là xuất hiện tâm lý ỷ lại, coi di sản là của Nhà nước và trông chờ sự hỗ trợ kinh phí từ trên xuống thay vì chủ động bảo tồn.

Song song với những quan điểm nêu trên, một số nhà nghiên cứu khác chỉ ra vai trò của cộng đồng chủ thể tuy có lúc bị thu hẹp, nhưng chưa bao giờ bị loại trừ hoàn toàn khỏi đời sống di sản. Nguyễn Thị Hiền (2025), trong nghiên cứu về Di sản hội Gióng tại đền Phù Đồng và đền Sóc, chỉ ra rằng với Hội Gióng ở đền Phù Đồng, dù có sự phối hợp với chính quyền địa phương, trọng tâm tổ chức lễ hội vẫn thuộc về cộng đồng chủ thể.

Các nghi thức vẫn được thực hiện theo hội lễ truyền thống và người dân giữ quyền chủ động trong việc phân công, truyền dạy nghi lễ cũng như duy trì các quy tắc thiêng. Tương tự, Nguyễn Thị Yên (2020), trong nghiên cứu về thực hành thờ Mẫu của người Việt sau khi được ghi danh, đã ghi nhận sự tích cực của các đồng thầy, thủ nhang, đồng đền - những người không chỉ duy trì nghi lễ mà còn chủ động quảng bá, kết nối cộng đồng và truyền dạy di sản cho thế hệ kế cận. Họ được xem là những hạt nhân “gương mẫu đi đầu”, giúp lan tỏa di sản. Cộng đồng ở đây là chủ thể trung tâm trong quá trình bảo tồn và phát huy di sản, dù mức độ chủ động của họ có thể thay đổi tùy theo bối cảnh chính sách và cách thức can thiệp của Nhà nước. Như Từ Thị Loan (2025) khẳng định trong một hội thảo quốc tế tại Hà Nội, vai trò của cộng đồng chủ thể ở các di sản như: Hát Xoan, Quan họ Bắc Ninh, Đờn ca tài tử, võ Bình Định hay Múa rối nước không chỉ thể hiện ở sự trao truyền lưu giữ, mà còn ở khả năng sáng tạo, thích ứng, thổi sức sống mới cho di sản. Chẳng hạn, với Quan họ Bắc Ninh, sự nỗ lực của các liền anh, liền chị trong việc bảo tồn lời ca, làn điệu và phong cách hát truyền thống đã giúp thực hành này vượt qua nhiều giai đoạn khó khăn, tưởng chừng bị mai một. Còn với Múa rối nước, cộng đồng chủ thể không chỉ là người thưởng thức mà còn trực tiếp tham gia sáng tạo, từ việc dựng thủy đình, tu sửa con rối, trang phục đến việc sáng tác tích trò mới - cho thấy sức sống bền bỉ và khả năng tự thích ứng của di sản khi được cộng đồng tiếp tục nuôi dưỡng.

Có thể nói rằng, vai trò của cộng đồng chủ thể trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản đã được xem xét, phân tích sâu sắc trong nhiều công trình nghiên cứu và bài viết. Các kết quả công bố cho thấy các cộng đồng chủ thể có vai trò đặc biệt quan trọng; họ không chỉ là những người bảo vệ, gìn giữ, truyền dạy di sản cho thế hệ sau, mà còn là những chủ thể tích cực đem lại sức sống mới cho các di sản thông qua việc bổ sung, sáng tạo thêm các

nội dung và thực hành mới. Trong các phần viết tiếp theo, tác giả sẽ tập trung làm rõ hơn khía cạnh thứ hai này - tức vai trò của cộng đồng trong việc “đem lại sức sống mới” cho di sản. Cụ thể, thông qua nghiên cứu trường hợp về quá trình phục dựng, tái hiện lễ hội Lồng Tồng của người Tày ở xóm Tìn Keo, xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên, bài viết sẽ cung cấp dẫn chứng và làm rõ thêm về vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy di sản. Tác giả bài viết lập luận rằng, vai trò này không chỉ thể hiện ở việc truyền dạy, lưu giữ, sáng tạo hay bổ sung thêm các yếu tố mới cho di sản như những nghiên cứu trước đó đã đề cập - mà còn ở chỗ họ đã góp phần vào việc hồi sinh di sản của mình theo hướng phù hợp, có thể được chấp nhận trong điều kiện bối cảnh đương đại khi mà cách thức tổ chức, quản lý cũng như đối tượng và mục tiêu hướng tới của các lễ hội đã có sự thay đổi. Trước khi đi sâu phân tích những đóng góp của cộng đồng chủ thể, bài viết sẽ khái quát về địa bàn nghiên cứu.

2. Địa bàn nghiên cứu

Xóm Tìn Keo trước đây thuộc xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Theo Nghị quyết 1683/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tại tỉnh Thái Nguyên mới năm 2025, kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, Tìn Keo trở thành một trong 24 xóm của xã Phú Đình mới, được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai xã Phú Đình và Diềm Mặc của huyện Định Hoá trước đây.

Hiện nay, xóm Tìn Keo hiện có 151 hộ dân với 656 nhân khẩu, là một địa bàn cư trú của nhiều dân tộc khác nhau, bao gồm Tày, Sán Chay, Dao và Kinh, trong đó dân tộc Tày chiếm đa số với 111 hộ.

Về phương diện kinh tế, nông nghiệp lúa nước vẫn là ngành sản xuất chính, gắn bó mật thiết với đời sống và sinh kế của người dân xóm Tìn Keo. Tuy nhiên, những năm gần đây, đời sống kinh tế của các cư dân đại phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Theo kết quả khảo sát thực địa, tính đến tháng 10 năm 2025, xóm Tìn Keo chỉ còn 01 hộ nghèo và 03 hộ

cận nghèo; thu nhập bình quân năm 2024 đạt 61 triệu đồng/người/năm - một con số khá ấn tượng, so với mặt bằng chung của các khu vực nông thôn miền núi phía Bắc. Hiện nay, người dân trong xóm chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước, trồng chè, chăn nuôi và buôn bán nhỏ lẻ. Đáng chú ý, có 10 hộ tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ - thương mại như bán tạp hoá, cung cấp đặc sản địa phương cho khách du lịch và kinh doanh dịch vụ ăn uống. Trong đó, hai nhà hàng lớn của xóm là Duy Anh và Bằng Mai không chỉ phục vụ ẩm thực mà còn thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hoá, văn nghệ dân gian như hát Then, đàn tính, hát lượn, góp phần quảng bá văn hoá Tày đến du khách và tạo điểm nhấn sinh động trong đời sống cộng đồng.

Như đã đề cập, Tìn Keo là nơi có đông người dân tộc Tày sinh sống, vì vậy văn hoá Tày là dòng chảy văn hoá chủ đạo của địa phương. Người dân vẫn bảo lưu và thực hành nhiều phong tục, tập quán thể hiện bản sắc dân tộc Tày, như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, nghi lễ ma chay, cưới hỏi, mừng đầy tháng, vào nhà mới cùng nhiều tập quán sinh hoạt thường ngày liên quan đến ăn, ở, mặc.

Trong đời sống văn hoá truyền thống của người Tày ở Tìn Keo, lễ hội Lồng Tồng từng là một nghi lễ nông nghiệp quan trọng, tương tự như ở các bản làng của người Tày khu vực miền núi phía Bắc nói chung và huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên cũ nói riêng. Theo các nghiên cứu của Vũ Ngọc Khánh (1997), Nông Quốc Chấn (1997), Dương Thị Lê (2010) và Nguyễn Thanh Thuỷ (2020), lễ hội này được tổ chức hàng năm với mục đích cầu cho sức khoẻ, thời tiết thuận lợi, mùa màng tươi tốt, không gặp thiên tai, dịch hoạ. Theo ghi chép của Dương Thị Lê (2010), tại huyện Định Hoá trước đây lễ hội Lồng Tồng thường diễn ra vào tháng Giêng. Các bản trong vùng tổ chức luân phiên từ mừng 1 đến ngày 15 tháng. Ví dụ:

- Mừng 1 tổ chức ở bản Mù
- Mừng 2 tổ chức ở bản Cái

- Mừng 3 tổ chức ở bản Quảng
- Mừng 4 tổ chức ở bản Ru Nghệ
- Mừng 5 tổ chức ở bản Thái Chi
- Mừng 6 tổ chức ở bản Bằng
- Mừng 7 tổ chức ở bản Quảng Cáo
- Mừng 8 tổ chức ở đình Quán Đế,

chợ Chu

• Ngày 9 -10 tổ chức ở Chùa Hang, xóm Đồng Chùa

• Ngày 14 - 15 tổ chức ở Đình Nầu, xã Phú Đình

Lễ hội Lồng Tồng ở huyện Định Hoá cũ trong đó có xóm Tìn Keo, từng có thời gian dài bị gián đoạn. Theo lời kể của các cụ cao niên, lễ hội này chỉ còn tồn tại đến giai đoạn kháng chiến chống Pháp, sau đó dần mai một vì nhiều nguyên nhân. Đến những năm 1960, thời kỳ miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát động các phong trào xây dựng "đời sống mới", "con người mới" ở nông thôn, lễ hội Lồng Tồng bị xếp vào nhóm các thực hành mê tín dị đoan, gây lãng phí và vì vậy bị chấm dứt hoàn toàn. Phải đến 2002, nhờ sự quan tâm, tạo điều kiện của chính quyền địa phương, lễ hội Lồng Tồng mới được tổ chức trở lại dưới hình thức lễ hội vùng - Lễ hội Lồng Tồng ATK Định Hoá, diễn ra trong hai ngày mừng 9 và mừng 10 tháng Giêng. Lễ hội mới này đã khác truyền thống về quy mô và cách thức tổ chức. Ở đây có sự kết hợp của nghi lễ cầu mùa của người Tày, nghi lễ cầu mùa của người Sán Chay và nghi lễ cầu phúc của người Dao. Tại xóm Tìn Keo, lễ hội Lồng Tồng được khôi phục muộn hơn. Sự kiện lễ hội tổ chức lại ngày 26 tháng 12 năm 2024 vừa qua, là sự kiện đầu tiên, đánh dấu sự trở lại của lễ hội Lồng Tồng tại xóm Tìn Keo sau nhiều thập kỉ bị gián đoạn.

3. Vai trò và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phục dựng lễ hội Lồng Tồng ở xóm Tìn Keo

Trong bối cảnh hiện nay, công tác tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống đã có sự thay đổi so với trước đây. Nếu như trước kia, lễ hội chủ yếu do cộng đồng dân cư tự tổ chức,

quản lý và điều hành dựa trên phong tục, lệ làng và tri thức dân gian thì ngày nay sự tham gia của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý văn hoá ngày càng rõ nét. Các hoạt động lễ hội được quy hoạch, chuẩn hoá và lồng ghép với mục tiêu phát triển du lịch, quảng bá hình ảnh địa phương hay thể hiện sự đoàn kết giữa các dân tộc, thay vì chỉ mang tính tín ngưỡng thuần túy như trước. Việc phân công nhiệm vụ, ban hành quy chế quản lý và đảm bảo an ninh, an toàn đã trở thành một phần tất yếu trong công tác tổ chức lễ hội. Quy trình quản lý lễ hội theo hướng quy củ, có sự giám sát của chính quyền địa phương này đã phần nào tác động đến cách thức cộng đồng tham gia lễ hội. Thay vì tự do và mang tính tự quản như trước, nay người dân tham gia thông qua các hình thức được phân công hoặc đại diện - chẳng hạn cử người đảm nhận vai trò chủ lễ, phụ trách các phần việc cụ thể trong quá trình chuẩn bị lễ hội. Một số hoạt động cũng được giới hạn về số lượng người tham gia.

Tương tự như nhiều địa phương khác, cộng đồng xóm Tín Keo khi tổ chức lễ hội Lồng Tồng cũng phải tuân thủ quy trình quản lý và tổ chức do chính quyền ban hành. Mọi khâu từ xây dựng kế hoạch, thành lập ban tổ chức, phân công nhiệm vụ đến bảo đảm an ninh an toàn về sinh môi trường đều được thực hiện theo quy định chung. Trong khuôn khổ đó người dân không còn toàn quyền tự quyết như trước mà phải phối hợp với cán bộ văn hoá, trưởng xóm và các tổ chức đoàn thể để đảm bảo lễ hội diễn ra đúng hướng dẫn, vừa trang nghiêm vừa văn minh. Tuy nhiên chính trong khuôn khổ ấy cộng đồng vẫn chủ động gìn giữ các yếu tố truyền thống, coi đó là cách để lễ hội vừa đáp ứng yêu cầu quản lý, vừa không đánh mất “hồn vía” văn hoá của mình. Họ đề xuất lựa chọn ra những đại diện phù hợp để tham gia vào các khâu quan trọng của lễ hội ví dụ - mời thầy cúng; mời người cao tuổi truyền dạy cách thức múa hát, làm đạo cụ phục vụ lễ hội hay cử thanh niên, phụ nữ mặc trang phục áo dân tộc tham gia biểu diễn trên sân khấu v.v..

3.1. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác chuẩn bị và quá trình diễn ra lễ hội

Như đã đề cập, Chương trình lễ hội Lồng Tồng tổ chức ở xóm Tín Keo là một trong những hoạt động được thực hiện theo Kế hoạch số 3600/KH-SVHTTDL ngày 28/10/2024 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên. Khi được triển khai tại Tín Keo, sự kiện này đã nhận được sự đồng thuận cao và tinh thần hưởng ứng tích cực của người dân. Trong cuộc họp thôn, sau khi nghe thông báo và bàn về việc phục dựng, tái hiện lễ hội Lồng Tồng, những người có mặt đã đồng loạt giơ tay. Việc khôi phục và tái hiện lễ hội Lồng Tồng này mang ý nghĩa đặc biệt đối với họ bởi vì đã nhiều thập kỉ nay lễ hội Lồng Tồng của Tín Keo chưa được tổ chức. Một phụ nữ tham dự cuộc họp kể: “Hôm họp, Trưởng thôn bảo khôi phục hội là bà con nhất trí ngay. Sở [Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch - TG] chỉ cấp cho một số ít kinh phí, khoảng 10 triệu đồng thôi còn lại là do bà con đóng góp tùy tâm từ 100.000 đến 1.000.000 đồng/hộ. Ai có bao nhiêu thì đóng bấy nhiêu. Ai không có cũng không sao cả”. Sau khi có sự đồng thuận nhất trí của người dân, Trưởng thôn và đại diện các chi hội đoàn thể ở xóm Tín Keo như Chi hội phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội nông dân, Chi hội cựu chiến binh đã phối hợp cùng cán bộ Chương trình bản bạc, thống nhất trong việc huy động nhân sự và phân công công việc tới những người trực tiếp tham gia. Sau khi cân nhắc dựa trên các đặc điểm về tuổi tác, năng khiếu và sự nhiệt thành, 29 người thuộc các Chi hội phụ nữ, nông dân và Chi đoàn thanh niên đã được lựa chọn đưa vào danh sách. Họ sẽ là những người đại diện cộng đồng, trực tiếp tham gia vào các hoạt động trình diễn văn nghệ, chơi trò chơi trên sân khấu. Các thanh niên này đã tự chuẩn bị cho mình các trang phục truyền thống để mặc trong ngày hội chính. Với những người chưa có, họ chủ động đi mượn từ bạn bè, người thân hoặc bỏ tiền đi thuê trang phục ở một cửa hàng tư nhân trên trung tâm huyện Định Hoá cũ. Một thầy cúng, người của xóm Tín Keo - ông Nguyễn Phúc Trích (viết tắt:

NPT), sinh năm 1971 đã được mời tham gia xây dựng kịch bản và thực hiện các nghi thức cúng tế trong ngày hội chính. Ông được chọn mời vì là một thầy có uy tín và am hiểu về các vị thần linh được thờ phụng ở xóm. Ngoài ra, để việc tổ chức lễ hội được tiến hành hợp pháp và đúng quy định, Chi Nhung - Chi hội phó của Chi hội phụ nữ xóm - được phân công hoàn thiện hồ sơ, thủ tục xin phép tổ chức. Chi Nhung đã làm theo hướng dẫn chuẩn bị các giấy tờ cần thiết để nộp lên xã gồm: Đơn xin phép tổ chức lễ hội, danh sách thành viên tham gia trực tiếp và bản dự trù kinh phí.

Bên cạnh, các hoạt động tập luyện, chuẩn bị cho lễ hội cũng diễn ra song song. Ngoài chuyên gia bảo tồn lễ hội do Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên cử về tập huấn các kỹ năng bảo tồn lễ hội, hai nghệ nhân cao tuổi, người của xóm Tìn Keo cũng tham gia vào quá trình tư vấn, dạy cách làm đạo cụ, chơi trò chơi và hát múa dân gian.

Vào ngày hội chính (26 tháng 12 năm 2024), ngay từ 7 giờ 30 sáng, công tác tiếp đón đại biểu, người dân và khách mời đến tham dự lễ hội Lồng Tồng ở xóm Tìn Keo đã được chuẩn bị chu đáo. Trước sân khấu lớn dựng trong khuôn viên Nhà văn hoá xóm, các dãy bàn ghế được kê ngay ngắn. Hai hàng ghế đầu tiên được bố trí thêm bàn, trên có trải khăn đỏ và đặt lọ hoa cùng nước uống. Đây là khu vực dành cho đại biểu và khách mời. Phía sau là các hàng ghế nhựa màu xanh dành cho người dân trong xóm. Khu vực bên trái và chính giữa sân khấu, nơi có tầm nhìn bao quát được Ban tổ chức ưu tiên bố trí cho phóng viên đến từ các cơ quan truyền hình và phát thanh của địa phương và trung ương tác nghiệp. Sau khi, các đại biểu, khách mời và người dân đã ổn định chỗ ngồi, bà Xuyên - Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ xóm - một phụ nữ có nhiều kinh nghiệm tổ chức phong trào ở cơ sở trong trang phục áo dài dân tộc Tày đã bước lên sân khấu, đại diện cho người dân xóm Tìn Keo tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khách mời.

Từ 7 giờ 45 đến 9 giờ sáng diễn ra phần nghi lễ xuống đồng do thầy cúng NPT đảm

nhiệm vai trò chủ lễ. Trước đàn tế được dựng bằng tre, phủ vải đỏ, đặt năm ống cắm hương bằng cây ngà (bên trong là các đoạn thân chuối cắt cao bằng miệng ống) và hai cây chuối để nguyên lá kê hai bên, thầy cúng thực hiện các nghi thức thỉnh mời thánh thần, Phật tổ giáng ngự. Sau đó, ông tiến hành các nghi thức điều phan, đi vòng quanh cây nêu dựng ở phía trước sân khấu rồi di chuyển sang khu vực ruộng lúa ở gần đó để tiến hành các nghi thức tịch điền, hạ điền gồm các hoạt động tượng trưng như gieo hạt, dẫn nước về ruộng, tưới nước cho mạ và rào ruộng (cắm cây nêu đuổi tà ma, chuột bọ). Kết thúc phần lễ, thầy cúng trở lại sân khấu, thực hiện nghi thức hồi hương và phát lộc - phát hạt giống tượng trưng cho đại diện các hộ gia đình trong xóm.

Từ 9 giờ đến 11 giờ 15 là phần hội. Phần này bao gồm các tiết mục văn nghệ và trò chơi dân gian. Mở đầu là hoạt động bán ẩm - nơi người dân bày bán các món ăn truyền thống như xôi cầm, cơm lam, bánh khảo phục vụ khách tham dự. Phần hội được dẫn dắt bởi một nữ MC - người từng có nhiều năm làm việc tại Khu di tích Bác Hồ ở đồi Tìn Keo. MC này cũng mặc trang phục truyền thống của người Tày. Các tiết mục hát múa được trình diễn trong phần hội gồm: Lập xuân, Đưa nước về ruộng và Hội làng. Trong các tiết mục này, các đại diện nam nữ của xóm Tìn Keo, hoá thân thành các “diễn viên” duyên dáng, mang đến sắc màu sinh động cho sân khấu lễ hội. Sau phần văn nghệ, các đại biểu, khách mời và người dân có mặt cùng tham gia vào hàng loạt trò chơi dân gian. Mở đầu là tung còn. Một cặp nam nữ thanh niên của xóm Tìn Keo được giao nhiệm vụ “khai còn”, tức tung hai quả còn đầu tiên. Sau phần nghi thức này, nữ MC mời đại diện đại biểu, khách mời và người dân tham gia. Trò chơi tung còn kết thúc sau khi một nhân viên của Khu di tích Đồi phong tượng tung trúng vòng tròn đồng tâm. Anh nhận thưởng là mâm lễ có xôi gà. Tiếp đó, không khí hội càng trở nên náo nhiệt với các trò bịt mắt, đập mỗ, đẩy gập, bịt mắt bắt vịt, kéo co và đi cà kheo. Tiếng reo hò, cười nói, cổ vũ vang lên rộn ràng khắp sân. Dưới sự dẫn dắt khéo léo và ứng

xử linh hoạt của nữ MC, những người có mặt, ai nấy đều hào hứng tham gia, cùng tận hưởng trọn vẹn niềm vui hội.

Đến 11 giờ 30, nữ MC kết thúc phần trò chơi và thay mặt Ban tổ chức lễ hội mời các đại biểu, khách mời cùng đại diện các hộ gia đình dự ẩm thực khao làng ở bên trong Nhà văn hoá. Có rất nhiều món ăn đặc sắc của địa phương đã chuẩn bị như: Thịt lợn luộc, thịt gà luộc, nộm bí chuối, rau rừng, xôi nếp cẩm và rượu gạo. Tất cả các món ăn được bày biện gọn gàng, đẹp mắt, đặt trên những dãy bàn tre phủ lá chuối xanh. Theo lời một cụ cao tuổi, *“cách bày biện này gợi nhớ đến những bữa ăn chung của làng trước đây”*.

3.2. *Vai trò và sự tham gia của cá nhân đại diện*

Nhìn vào công tác chuẩn bị và diễn biến của Chương trình phục dựng, tái hiện lễ hội Lồng Tồng tại xóm Tìn Keo, có thể nhận thấy phần nào những đóng góp của cộng đồng trong việc đưa lễ hội Lồng Tồng trở lại. Trong lễ hội này, các đại diện của cộng đồng - những người tham gia trực tiếp vào sân khấu lễ hội đã góp phần tái hiện nhiều thực hành văn hoá truyền thống của dân tộc Tày, thể hiện từ trang phục, lời hát, điệu múa, thực hành lễ nghi cho đến đạo cụ, vật phẩm văn hoá được trưng bày/sử dụng trong không gian lễ hội. Tuy nhiên, như đã đề cập, bối cảnh công tác tổ chức và quản lý lễ hội nay đã khác trước - mọi hoạt động đều phải tuân theo quy trình, kế hoạch và sự phê duyệt của cơ quan quản lý, vai trò của cá nhân đại diện trong cộng đồng tham gia vào lễ hội ví dụ như thầy cúng NPT trong trường hợp này trở nên đặc biệt quan trọng. Ông là người kết nối giữa cộng đồng và chính quyền, vừa là người đảm bảo tính xác thực văn hoá của lễ hội, giúp cho lễ hội vừa được phục dựng một cách vừa đúng quy định vừa giữ được hồn cốt truyền thống. Những đóng góp của ông đã giúp cho tiếng nói của cộng đồng được thể hiện trong lễ hội dù rằng cách quản lý và vận hành của lễ hội hiện nay đã thay đổi. Để hiểu rõ hơn về điều này, phần viết tiếp theo, tác giả sẽ bàn về về sự tham gia của thầy cúng NPT vào Chương trình lễ hội Lồng Tồng tại xóm Tìn Keo.

Trong buổi gặp gỡ tác giả tại nhà riêng, sau khi Chương trình lễ hội kết thúc, thầy cúng NPT vẫn giữ nguyên nét hồ hởi của người vừa hoàn thành một trọng trách thiêng liêng - thực hiện thành công nghi lễ cúng trong lễ hội. Nhớ lại khoảnh khắc được Trưởng thôn giao nhiệm vụ chuẩn bị kịch bản nghi lễ cho Chương trình lễ hội Lồng Tồng của xóm, thầy cúng NPT chia sẻ rằng ban đầu ông không khỏi lo lắng, song vẫn tự nhủ: *“Các cụ đã truyền lại [nghề thầy cúng - TG] cho mình thì mình phải làm thôi”*. Với ông “phải làm” trước hết xuất phát từ trách nhiệm đạo đức của một người hành nghề tâm linh trong cộng đồng. Trong đời sống văn hoá của người Tày ở các bản vùng núi phía Bắc từ bao đời nay vẫn tồn tại quan niệm: *“Thầy cúng là người cứu nhân độ thế”*. Quan niệm ấy giống như một quy tắc bất thành văn, âm thầm ràng buộc những ai đã chính thức bước vào con đường hành nghề. Vì vậy khi có người tìm đến nhờ làm lễ, các thầy cúng hiếm khi từ chối. Là một người có nhiều năm làm nghề, thầy cúng NPT hơn ai hết hiểu rõ quy tắc ngầm này. Tuy nhiên, đó không phải là lí do duy nhất khiến ông chấp nhận lời mời tham gia Chương trình lễ hội. Trong cuộc trò chuyện với tác giả bài viết, ông kể lại rằng trước khi ra làm nghề đi cúng, ông từng là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phú Đình (viết tắt: Chủ tịch Mặt trận xã). Năm 2016, khi đang ở năm thứ hai của nhiệm kì thứ hai, ông xin nghỉ việc để về nhà làm nông. Năm 2017, tức một năm sau nghỉ việc, ông tổ chức lễ cấp sắc lần thứ nhất và chính thức trở thành thầy cúng; đến năm 2020 ông thực hiện lễ cấp sắc lần hai, qua đó được xem là đã “đủ bằng cấp” về đường âm - được phép đảm nhận các lễ cúng phức tạp như cúng tang ma, cúng dâng sao giải hạn, cúng mộ, cúng mụ hay chọn ngày giờ tốt cho việc dựng nhà, cưới hỏi v.v. Quyết định rời bỏ công việc ở xã của thầy cúng NPT, theo lời ông kể, phần nào xuất phát từ những biến cố không may mắn xảy ra với bản thân và gia đình. Nhưng lí do mang tính quyết định lại đến từ những lời cảnh báo trong mơ của người cha đã khuất, cũng là một thầy cúng.

Ông kể: *“Trong mơ, bố tôi về đặt một cái mâm lên đầu tôi và bảo mày không làm thầy [thầy cúng - TG] thì mày chỉ có chết thôi”*. Giấc mơ ấy lặp lại nhiều lần, khiến ông không thể không để tâm. Sau thời gian suy ngẫm và xâu chuỗi những sự kiện đã qua, ông nhận thấy có những sự trùng hợp kì lạ khó lí giải: hai vị Chủ tịch Mặt trận xã trước ông đều qua đời khi còn đương chức. Nhiều lần ông tự hỏi liệu điều tương tự có thể xảy đến với mình. Dù không có câu trả lời chắc chắn song nỗi trăn trở ấy lại dẫn ông đến gần hơn với quyết định theo lời cha dặn và chính thức bước vào con đường hành nghề thầy cúng. Nhìn vào hành trình cá nhân của thầy cúng NPT, có thể thấy ở ông hội tụ đủ “tiêu chuẩn” của một cá nhân ưu tú trong cộng đồng - người vừa có uy tín xã hội vừa có căn duyên với nghề làm thầy cúng. Vì thế, khi được giao nhiệm vụ xây dựng kịch bản nghi lễ cho Chương phục dựng, tái hiện lễ hội, ông tự nhủ mình “phải làm” - như một bổn phận với tổ tiên và trách nhiệm với cộng đồng nơi mình gắn bó.

Trong lúc trò chuyện, khi được hỏi: *“Thầy mất bao lâu để chuẩn bị kịch bản nghi lễ?”*, thầy cúng NPT không do dự đáp: *“Công việc này đòi hỏi nhiều thời gian. Nói thế thôi chứ nó cũng phức tạp và đau đầu lắm. Phải nghiên cứu nhiều ngày mới xong được. Không đơn giản đâu. Chương trình này nó không như một chương trình nhỏ. Nó lớn”*. Sự “phức tạp và đau đầu” mà thầy cúng NPT nhắc đến phản ánh rõ yêu cầu cao của công việc được giao. Xây dựng kịch bản nghi lễ không chỉ đòi hỏi có sự kết hợp giữa tri thức truyền thống và tri thức hiện đại. Người đảm nhận nhiệm vụ phải vận dụng tối đa vốn hiểu biết về nghi lễ, phong tục tập quán, đồng thời nắm vững các quy tắc, chuẩn mực của xã hội hiện đại. Theo thầy cúng NPT, một kịch bản nghi lễ chỉ thực sự có giá trị và phù hợp với đời sống khi được xây dựng trên sự hài hoà giữa hai yếu tố ấy - truyền thống và hiện đại.

Như đã được ghi nhận trong các công trình nghiên cứu trước đây về lễ hội Lồng Tồng (Vũ Ngọc Khánh 1997, Dương Thị Lê 2010), phần lễ luôn là phần được chú trọng nhất. Trong

buổi lễ, thầy cúng lập đàn tế tại khu ruộng được chọn làm nơi tiến hành nghi lễ xuống đồng. Cả bản cùng chung tay chuẩn bị một mâm lễ lớn, gồm gạo tẻ, xôi nếp, gà trống, thủ lợn luộc, rượu gạo và các loại bánh truyền thống của người Tày. Ngoài mâm lễ chung này, mỗi gia đình còn có thể dâng một mâm lễ riêng - không quan trọng lễ to hay nhỏ, chỉ cần thể hiện lòng thành. Ở các lễ hội Lồng Tồng truyền thống, phần lễ thường bắt đầu bằng nghi thức rước thần từ đình hoặc miếu ra khu ruộng - không gian chính của lễ hội. Sau đó, thầy cúng tiến hành các nghi thức cúng tế. Thông thường toàn bộ phần lễ sẽ kéo dài trọn một buổi sáng. Chính vì vậy việc rút ngắn toàn bộ nội dung phần lễ xuống chỉ còn 1 giờ 15 phút như cách làm của thầy cúng NPT tại lễ hội Lồng Tồng ở Tin Keo là một quyết định không hề dễ dàng. Theo lời kể của ông, khi nhận nhiệm vụ, ông chỉ nhận được yêu cầu là: *Hãy lên một kịch bản nghi lễ phù hợp với Chương trình lễ hội Lồng tồng của xóm*. Trong bối cảnh Chương trình lễ hội chỉ diễn ra trong vòng một buổi sáng, thầy cúng NPT đã chủ động xây dựng một kịch bản nghi lễ ngắn gọn hết mức có thể để đảm bảo cân đối về thời gian giữa phần lễ và phần hội. Thầy cúng NPT chia sẻ: *“Như hôm nay nếu mình đọc dài hơn [ngồi làm lễ lâu hơn - TG], họ [những người có mặt - TG] cũng phải chịu. Mà chả nhẽ họ bảo ông ơi thôi đi à. Không ai làm thế cả”*. Thực tế cho thấy, độ dài của kịch bản nghi lễ phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức, phân tích và quyết định của người chủ lễ. Giải thích về cách thức biên soạn, thầy cúng NPT nói: *“Cúng trong lễ hội Lồng Tồng có sách hướng dẫn. Sách chữ Hán, từ nhiều đời tổ tiên truyền lại. Nếu mình làm đúng theo sách, bê nguyên toàn bộ nội dung cúng vào thì sẽ rất là dài, có khi kéo dài cả một ngày cho nên khi nhận việc thì mình phải tính, chỉ chắt lọc lấy những cái quan trọng để đưa vào thôi”*. Những phần “quan trọng, bắt buộc phải có” trong kịch bản nghi lễ - theo thầy cúng NPT - là các khoa cúng bao gồm văn khấn và các nghi thức đi kèm. Khi tiến hành biên soạn kịch bản, ông chủ trương chắt lọc, chỉ giữ lại những khoa cúng mà ông tin rằng nếu bỏ đi sẽ

giảm ý nghĩa thiêng liêng của nghi lễ. Với các phần còn lại, ông chọn khấn nôm, diễn đạt ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm. Ví dụ, trong cuốn sách cổ mà ông sử dụng, phần thỉnh Phật có tới ba khoa nhưng ông chỉ chọn một. Tương tự, khi thỉnh Ngọc Hoàng, thay vì thực hiện toàn bộ các khoa như sách hướng dẫn, ông chọn khoa thỉnh quan Hành khiển - người được xem là đại diện cho Ngọc Hoàng xuống chứng giám. Ông giải thích: *“Dương sao âm vậy. Quan Hành khiển là người giám sát, đại diện. Ví dụ, nay Chủ tịch huyện bận, không trực tiếp làm được sẽ uỷ quyền, giao cho cấp dưới. Tương tự, Ngọc Hoàng vị thần chủ cao nhất, làm sao xuống dự hết mọi lễ ở trần gian được. Lúc đó, quan Hành khiển sẽ được toàn quyền chỉ đạo và sau đó về báo cáo lại. Tôi khấn Ngọc Hoàng nhưng chỉ có quan Hành khiển xuống thôi”*. Trong quá trình biên soạn kịch bản, riêng đối với các vị thần sở tại, được thờ cúng ở xóm Tín Keo ông chọn giữ nguyên, không lược bỏ bất cứ khoa cúng nào. Chẳng hạn khi thỉnh sơn thần thổ địa. Ông giải thích: *“Xung quanh xóm Tín Keo có bốn ngọn núi là Hồng, Khẩu Quyết, Khẩu Mỏ và Khẩu Cả. Xưa kia ở các ngọn núi này đều có miếu, nay tuy đã mai một nhưng khi cúng vẫn phải thỉnh mời, báo cáo đầy đủ”*.

Bên cạnh rút ngắn thời lượng nghi lễ thông qua lựa chọn một số khoa cúng thực sự cần thiết để đưa vào kịch bản, thầy cúng NPT còn đặc biệt chú ý đến sự phù hợp của các từ ngữ sử dụng trong các khoa cúng mà ông chọn thực hành. Tại Chương trình lễ hội Lồng Tồng ở xóm Tín Keo, ngoài người dân còn có nhiều thành phần khác bao gồm khách mời và đại diện chính quyền. Do đó, thầy cúng NPT cho rằng cần phải có từ ngữ đúng chuẩn mực để khi ông đọc lên không bị người khác phán xét. Theo tiêu chí do chính ông đặt ra, từ ngữ sử dụng trong lời cúng phải dễ hiểu với đa số người tham dự và phù hợp với đối tượng quan khách có mặt. Chia sẻ cách làm, ông nói: *“Những từ ngữ nào mình đọc lên thấy khó hiểu thì mình bỏ qua. Thứ hai các từ ngữ không phù hợp với ngày lễ - chẳng hạn liên quan đến chết chóc, binh lính, tù đầy thì mình phải lược bỏ*

hoặc thay thế bằng từ khác. Ngày xưa thì các cụ vẫn dùng như vậy nhưng bây giờ không còn hợp nữa. Giờ đi cúng mà cứ nói ‘hồn phách an lạc’ hay mấy từ kiểu thế thì ai hiểu được, mà nghe cũng không hay nữa. Đây! mình phải cân nhắc chuyện đó, chỉ chọn cái tốt để đưa vào, cái xấu thì bỏ ra. Phải lọc qua!”.

Tương tự, trong phần biện lễ, thầy cúng NPT cũng có những cân nhắc và thận trọng với các quyết định của mình nhằm đảm bảo sự phù hợp của buổi lễ với không gian lễ hội hiện đại. Trong lựa chọn đồ lễ đưa lên đàn tế và đặt tại chân cây nêu, ông làm theo nguyên tắc - “xấu bỏ ra, tốt đưa vào”. Chẳng hạn, trong sách hướng dẫn nghi lễ cổ, danh mục vật phẩm cần có để dâng cúng gồm ngựa giấy, tiền âm dương, rượu, thịt lợn hoặc thịt gà luộc, thủ lợn sống hoặc nguyên con lợn hoặc dê đã mổ - thậm chí có đoạn quy định nếu dùng thịt dê thì mổ ngay tại chỗ, lấy máu đặt lên đàn tế. Trong danh mục đồ lễ này, thầy cúng NPT đã dành thời gian suy nghĩ về những lựa chọn đó. Theo ông, việc chọn bày cúng một thủ lợn hay một con lợn sống hoặc hiến tế một con dê ngay tại chỗ rồi lấy máu ấy để cúng có lẽ sẽ không cần phải cân nhắc quá nhiều nếu đó là một nghi lễ chỉ gồm những người trong xóm. Tuy nhiên, với sự kiện lễ hội lần này, ông tự nhủ cần thận trọng hơn. Trước mặt những quan khách ở huyện, tỉnh về tham dự ông lo lắng bị hiểu nhầm, bị coi là mê tín dị đoan hay có nghi thức phản cảm, không phù hợp với các quy định của xã hội đương đại. Nhất là khi mà Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch đã có một văn bản từ 2015 khuyến cáo loại bỏ hoặc điều chỉnh các nghi thức “hiến sinh có yếu tố bạo lực” trong lễ hội. Và, để tránh rơi vào các tranh cãi không cần thiết, thầy cúng NPT cuối cùng đã chọn dâng cúng thủ lợn. Ông tin lựa chọn này là an toàn, vừa giữ được tinh thần nghi lễ truyền thống, vừa tránh rủi ro bị đánh giá tiêu cực.

Có thể thấy rằng, để biên soạn một kịch bản nghi lễ cho Chương trình lễ hội Lồng Tồng tổ chức ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại Tín Keo, thầy cúng NPT đã vận dụng hiểu biết và kinh nghiệm của mình để chất lọc, điều chỉnh

đề đưa vào phân nghi lễ của Chương trình những nội dung phù hợp, giúp cho các thực hành nghi lễ truyền thống vẫn được tiếp nối, hồi sinh trong đời sống đương đại.

4. Kết luận

Nghiên cứu trường hợp về lễ hội Lồng Tồng ở xóm Tín Keo, xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên cho thấy, vai trò của cộng đồng vẫn tiếp tục duy trì và phát huy trong điều kiện cách thức quản lý và tổ chức lễ hội đã có nhiều thay đổi. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, thông qua các cá nhân đại diện của mình cộng đồng đã góp phần làm hồi sinh lễ hội theo hướng phù hợp và có thể được chấp nhận trong điều kiện, bối cảnh xã hội đương đại. Trường hợp lễ hội Lồng Tồng trong bài viết này cho thấy vai trò của cộng đồng không chỉ nằm ở việc truyền dạy, lưu giữ, sáng tạo hay làm phong phú thêm các yếu tố mới cho di sản như các nghiên cứu trước đó đã đề cập, mà còn ở chỗ họ đã góp phần diễn giải lại di sản đúng quy định trong khi vẫn giữ được hồn cốt truyền thống./.

(*) *Bài viết là một phần kết quả của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2025 Lồng Tồng - Từ nghi lễ đến di sản do TS. Đoàn Thị Tuyền làm Chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Văn hoá là Tổ chức chủ trì.*

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), *Công văn số 2662/BVHTTDL-VHCS ngày 08 tháng 8 năm 2015 về việc tăng cường công tác quản lý và tổ chức lễ hội*.
2. Hoàng Cầm (2018), "The Space of Gong Culture": Tourism, Selective Safeguarding Measures and Politics of Heritage in Vietnam", tham luận tại *Hội thảo thường niên của Hội Nghiên cứu châu Á của Mỹ*, tổ chức tại Washington, D.C.
3. Nguyễn Thị Phương Châm (2018), "The Dynamics of Power and Contestation in the Implementation of the Safeguarding Measures of Xoa Singing in Phu Tho after Its UNESCO's Inscription", *Vietnam Social Sciences Review*, Vol.4(186), pp.32-47.
4. Nông Quốc Chấn (1997), "Hội lồng tồng của người Tày, Nùng", trong *Văn hoá các dân tộc số*, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Hiền (2025), "Từ điển ngôn di sản được uỷ quyền đến chính trị di sản từ dưới lên: Những thách thức lý luận và thực tiễn bảo vệ văn hoá phi vật thể ở Việt Nam", tham luận tại *Hội thảo quốc tế Vấn đề bảo vệ và phát huy di sản văn hoá phi vật thể*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam tổ chức tại Hà Nội.
6. Vũ Ngọc Khánh (chủ biên 1997), *Văn hoá tín ngưỡng Tày - Nùng*, bản đánh máy lưu thư viện Viện Nghiên cứu Văn hoá, ký hiệu KH.66.
7. Dương Thị Lê (2010), *Lễ hội Lồng Tồng của người Tày ở huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (Truyền thống và biến đổi)*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Từ Thị Loan (2025), "Vai trò của cộng đồng trong bảo vệ và phát huy văn hoá phi vật thể", tham luận tại *Hội thảo quốc tế - Vấn đề bảo vệ và phát huy di sản văn hoá phi vật thể*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam tổ chức tại Hà Nội.
9. *Luật di sản văn hoá 2001 được sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
10. *Luật Di sản văn hoá 2024*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
11. Lê Hồng Lý (2014), "Thách thức bảo tồn tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ theo Công ước 2003", trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: 10 năm thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể của UNESCO: Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
12. Salemink, Oscar (2012), "Di sản văn hoá ở Việt Nam: Di sản văn hoá phi vật thể giữa các cộng đồng, Nhà nước và thị trường", trong: *Việt Nam học-Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ tư*, Tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Thanh Thuỷ (2020), "Biến đổi văn hoá phi vật thể của người Tày ở huyện Định Hoá, Thái Nguyên", *Tạp chí Dân tộc và Thời đại*, số 215.
14. Nguyễn Thị Yên (2020), *Thực hành tín ngưỡng Tứ phủ của người Việt từ sau vinh danh*, đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Văn hoá, Hà Nội.

TS. ĐOÀN THỊ TUYẾN
Viện Nghiên cứu Văn hoá